

Số: 83 /TNS-TCKT

Phú Mỹ, ngày 11 tháng 08 năm 2023

“V/v: giải trình về việc điều chỉnh  
dữ liệu đầu năm 2023 trên bảng  
cân đối kế toán”

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình về việc điều chỉnh dữ liệu đầu năm 2023 trên bảng cân đối kế toán như sau:

- Nhằm phản ánh đúng kết quả kinh doanh cũng như đưa cổ phiếu công ty ra khỏi diện hạn chế giao dịch ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Do việc điều chỉnh hồi tố các giao dịch diễn ra vào 6 tháng cuối năm 2022, vì vậy việc điều chỉnh hồi tố không ảnh hưởng đến Báo cáo Kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Theo đó, số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được điều chỉnh như sau:

Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước/kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Chi phí trả trước dài hạn	261	34.333.373.662	25.888.339.605	(8.445.034.057)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	60.522.098.795	61.206.705.795	684.607.000	(2)
Vốn chủ sở hữu	410	36.036.929.996	26.907.288.939	(9.129.641.057)	(1)(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(164.727.509.748)	(173.857.150.805)	(9.129.641.057)	(1)(2)

- (1) Ban Tổng giám đốc thực hiện điều chỉnh hồi tố việc đánh giá lại giá trị của một số công cụ dụng cụ là trục cán thép đã phân bổ hết giá trị với tổng số tiền là 8,4 tỷ VND.



(2) Ban Tổng giám đốc điều chỉnh giảm phần lợi nhuận đã ghi nhận doanh thu năm 2022 đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu VND.

Trên đây là giải trình của TNS về việc điều chỉnh dữ liệu đầu năm 2023 trên bảng cân đối kế toán.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Tô Ngọc Huy**



Số: 80/TNS-TCKT  
V/v: giải trình LNST bán niên  
2023 đã kiểm toán lỗ so với  
cùng kỳ

Phủ Mỹ, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thép tám lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình về lợi nhuận sau thuế (LNST) 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ và chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ kỳ này như sau:

- Thị trường thép cán nguội 6 tháng đầu năm 2023 còn nhiều khó khăn, khả năng phục hồi chậm dẫn đến sản lượng sản xuất giảm 34,7% và tiêu thụ giảm 35,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Trong nước hàng tồn kho các công ty tồn mạ rất nhiều, xuất khẩu giảm, nhu cầu thị trường tăng chậm do đó doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của 6 tháng đầu năm 2023 giảm 239 tỷ tương đương giảm 49,1% đồng thời kéo theo lợi nhuận gộp giảm 13 tỷ tương đương giảm 62,9% so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là các nguyên nhân chính dẫn đến LNST 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ và chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ kỳ này.

Trân trọng kính chào ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Chữ ký, đóng dấu)



**Tô Ngọc Huy**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP  
TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/TNS-TCKT  
“V/v: giải trình chênh lệch LNST  
trên 10% BCKQHĐKD bán niên  
2023 đã kiểm toán so với cùng kỳ”

Phú Mỹ, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên 10% Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 là do các nguyên nhân sau:

- Thị trường thép thế giới 6 tháng đầu năm còn nhiều khó khăn, khả năng hồi phục chậm, khiến thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn dẫn đến sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm 2023 giảm 34,7% và sản lượng tiêu thụ giảm 35,1% so với cùng kỳ.
- Nhu cầu thị trường không mấy tích cực bên cạnh đó nguồn cung dồi dào, hàng tồn kho còn nhiều, xuất khẩu suy yếu.... dẫn đến giá thép thị trường giảm. Theo đó, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 239 tỷ tương đương giảm 49,1% đồng thời kéo theo lợi nhuận gộp giảm 13 tỷ tương đương giảm 62,9% so với cùng kỳ năm trước.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến LNST 6 tháng đầu năm 2023 của TNS giảm hơn 10% so với cùng kỳ.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



**Tô Ngọc Huy**

Số: 82/TNS-TCKT  
V/v: giải trình ý kiến kiểm toán  
ngoại trừ BCTC bán niên năm  
2023

Phú Mỹ, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 của Công Ty CP Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán liên quan đến việc chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH MTV Thép Tắm Lá Phú Mỹ (PFS), các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2023 và chi phí khấu hao tài sản cố định trong 6 tháng đầu năm 2023:

- Do tình hình tài chính khó khăn nên TNS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 và 6 tháng năm 2023.
- Về các khoản vay đến hạn trả sẽ phải thanh toán trước thời điểm 30/06/2023: do tình hình tài chính của TNS vẫn rất khó khăn, TNS đã nhiều lần làm công văn gửi các đơn vị khoan nợ, giảm lãi suất, giãn thời gian trả nợ. TNS vẫn đang cố gắng duy trì thực hiện trả nợ đúng kế hoạch.
- Về việc ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2023: do sản lượng sản xuất 6 tháng đầu năm thấp, bên cạnh tình hình thị trường thép vẫn tiếp tục khó khăn do đó TNS đã ước tính và trích chi phí khấu hao ít hơn 3 tỷ.
- Các vấn đề khác:

Trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các vấn đề như:

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tắm lá Phú Mỹ - Vnsteel.

2. Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Các vấn đề khác nêu trên, TNS đã giải trình trong các báo cáo trước đây vì đây là các vấn đề mà kiểm toán chỉ nhắc lại.




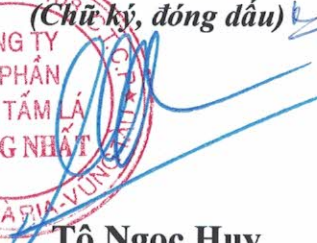
Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính bán niên năm 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Chữ ký, đóng dấu)



**Tô Ngọc Huy**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
(đã được soát xét)

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-35



## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	
Ông Lê Việt	Thành viên	
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên	
Ông Tô Ngọc Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Huy Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tô Ngọc Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2023
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 08 năm 2023

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel. Căn cứ theo lãi suất quy định trên hợp đồng và dư nợ, số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến ngày 30/06/2023 là 51,97 tỷ VND (giá trị ngoại trừ lũy kế đến ngày 01/01/2023 là 50,11 tỷ VND). Bên cạnh đó, chi phí lãi vay phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2023 Công ty đang ghi nhận tăng khoản phải thu và phải trả khác với số tiền 1,85 tỷ VND. Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, chỉ tiêu "Các khoản phải trả ngắn hạn" đang phản ánh thiếu số tiền 51,97 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 50,11 tỷ VND); chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa số tiền 51,97 tỷ VND ( tại ngày 01/01/2023 là 50,11 tỷ VND) và chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" đang phản ánh thừa số tiền 1,85 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 và 06 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang phản ánh thừa số tiền lần lượt là 1,85 tỷ VND và 0,8 tỷ VND.

## Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ ( tiếp theo)

2. Công ty đang ước tính và ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định trong 06 tháng đầu năm 2023 dựa trên sản lượng sản xuất thực tế với số tiền là 9,48 tỷ VND. Nếu ước tính chi phí khấu hao cần được xác định dựa theo phương pháp đường thẳng (chính sách kế toán Công ty đang áp dụng) thì giá trị khấu hao ước tính lại của 06 tháng đầu năm 2023 là 12,48 tỷ VND. Việc áp dụng sai chính sách kế toán dẫn đến trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, chỉ tiêu "Giá trị hao mòn lũy kế" đang phản ánh thiếu số tiền là 3 tỷ VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa 3 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang phản ánh thừa cùng số tiền là 3 tỷ VND.

3. Tại ngày 30/06/2023, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 227,87 tỷ VND (tại 01/01/2023 là 209,67 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 150,64 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 151,84 tỷ VND), khả năng thanh toán nhanh là 0,15 (tại ngày 01/01/2023 là 0,11), lỗ trong kỳ này là 2,99 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 176,85 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 173,86 tỷ VND), nợ phải trả gấp 14 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2023 là 11,5 lần), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh kỳ này đang âm 8,02 tỷ VND. Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 33 - Số liệu so sánh, theo đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố một số nội dung sau:

- Điều chỉnh hồi tố việc ghi giảm giá trị một số công cụ dụng cụ là trực cán thép đã đánh giá tăng chưa có cơ sở trong năm trước với tổng số tiền là 8,4 tỷ VND.
- Điều chỉnh giảm doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa đủ cơ sở năm ngoài đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu VND.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>121.934.812.268</b>	<b>87.417.028.761</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>8.574.028.830</b>	<b>23.975.732.026</b>
111	1. Tiền		8.574.028.830	1.783.650.600
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	22.192.081.426
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>29.016.073.735</b>	<b>1.702.929.157</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	21.556.295.989	385.955.890
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.561.988.208	271.419.770
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.897.789.538	1.045.553.497
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>79.780.881.411</b>	<b>60.195.662.927</b>
141	1. Hàng tồn kho		79.780.881.411	60.195.662.927
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.563.828.292</b>	<b>1.542.704.651</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.081.122.484	519.518.340
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.816.653.328	235.643.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	666.052.480	787.542.488
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>241.383.181.132</b>	<b>247.582.555.264</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>212.252.239.245</b>	<b>221.694.215.659</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	212.252.239.245	221.694.215.659
222	- Nguyên giá		543.566.400.407	543.529.900.407
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(331.314.161.162)	(321.835.684.748)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	8	<b>463.650.700</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		463.650.700	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.667.291.187</b>	<b>25.888.339.605</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	28.667.291.187	25.888.339.605
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>363.317.993.400</b>	<b>334.999.584.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>339.401.101.020</b>	<b>308.092.295.086</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>272.570.611.054</b>	<b>239.261.805.120</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	92.173.598.901	61.206.705.795
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		42.038.047	233.756.952
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.326.536.579	-
314	4. Phải trả người lao động		517.160.514	1.164.747.398
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.344.541.025	21.529.531.785
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	118.216.582.858	91.200.328.260
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	58.840.703.963	63.817.285.763
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>66.830.489.966</b>	<b>68.830.489.966</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	66.830.489.966	68.830.489.966
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>23.916.892.380</b>	<b>26.907.288.939</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>23.916.892.380</b>	<b>26.907.288.939</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		764.439.744	764.439.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(176.847.547.364)	(173.857.150.805)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(173.857.150.805)	(164.990.372.962)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(2.990.396.559)	(8.866.777.843)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>363.317.993.400</b>	<b>334.999.584.025</b>

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lậpTrần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngTô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	248.117.686.467	486.649.990.494
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	363.389.669	45.855.552
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		247.754.296.798	486.604.134.942
11	4. Giá vốn hàng bán	20	240.219.737.833	466.300.111.146
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.534.558.965	20.304.023.796
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	127.134.518	121.615.969
22	7. Chi phí tài chính	22	3.484.635.229	5.915.879.618
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.439.358.150	4.342.544.245
25	8. Chi phí bán hàng	23	873.029.914	726.533.923
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.492.018.279	5.235.850.840
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.187.989.939)	8.547.375.384
31	11. Thu nhập khác	25	1.099.115.703	53.159.522
32	12. Chi phí khác	26	2.901.522.323	732.636.349
40	13. Lợi nhuận khác		(1.802.406.620)	(679.476.827)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.990.396.559)	7.867.898.557
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	825.719.614
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.990.396.559)	7.042.178.943
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(150)	352

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lậpTrần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngTô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(2.990.396.559)	7.867.898.557
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.478.476.414	17.018.658.202
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		45.277.079	1.571.993.176
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(117.606.254)	(106.985.974)
06	- Chi phí lãi vay		3.439.358.150	4.342.544.245
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.855.108.830	30.694.108.206
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(28.772.664.075)	(25.766.739.483)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(19.585.218.484)	12.409.345.274
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		59.516.614.971	(22.966.231.878)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.340.555.726)	(9.225.789.998)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(24.692.346.035)	(109.236.534)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(4.271.587.177)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(5.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.019.060.519)	(19.241.531.590)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(500.150.700)	(153.209.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		117.606.254	83.335.486
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(382.544.446)	(69.873.514)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(7.000.033.860)	(7.500.002.640)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.000.033.860)	(7.500.002.640)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.401.638.825)	(26.811.407.744)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.975.732.026	31.557.424.846
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(64.371)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>8.574.028.830</u>	<u>4.746.017.102</u>

Đỗ Thị Thu Phương  
Người lậpTrần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởngTô Ngọc Huy  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 08 năm 2023



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký và đã thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 200.000.000.000 VND; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 89 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 90 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 30/06/2023, số lỗ lũy kế của Công ty là 176,85 tỷ VND, số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 227,87 tỷ VND, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 150,64 tỷ VND, lỗ trong kỳ này là 2,99 tỷ VND. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty Thép Việt Nam được trả dần trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được lập dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

### 2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trực cán thép thực hiện phân bổ theo tiêu thức tiêu hao bán kính trục sử dụng thực tế trong kỳ so với tổng bán kính trục sử dụng hiệu quả;

- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa trực cán, chi phí công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các loại chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

### 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### 2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**2.23 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	96.542.593	423.294.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.477.486.237	1.360.356.177
Các khoản tương đương tiền	-	22.192.081.426
	<b>8.574.028.830</b>	<b>23.975.732.026</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>8.365.374.524</b>	-	-	-
Công ty Tôn Phương Nam	8.365.374.524	-	-	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>13.190.921.465</b>	-	<b>385.955.890</b>	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Tân Phước Khanh	11.677.854.596	-	-	-
Công ty Cổ phần Thép Top Pro	709.966.840	-	-	-
Công ty Cổ phần Kim khí Nam Hưng	-	-	311.321.835	-
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	803.100.029	-	-	-
Các khách hàng khác	-	-	74.634.055	-
	<b>21.556.295.989</b>	<b>-</b>	<b>385.955.890</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Quang Minh	700.144.560	-	-	-
CN Công ty TNHH Industrielle Beteiligung tại thành phố Hải Phòng	827.195.490	-	-	-
Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	1.500.000.040	-	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Động lực Servo	176.704.770	-	176.704.770	-
Trả trước cho người bán khác	1.357.943.348	-	94.715.000	-
	<b>4.561.988.208</b>	<b>-</b>	<b>271.419.770</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	41.029.315	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	85.800.000	-	72.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	871.719.000	-	871.719.000	-
Phải trả lãi chưa ghi nhận chi phí	1.852.664.176	-	-	-
Phải thu khác	83.791.437	-	56.990.257	-
	<b>2.897.789.538</b>	<b>-</b>	<b>1.045.553.497</b>	<b>-</b>
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Tổng Công ty Điện lực miền Nam - TNHH	871.719.000	-	871.719.000	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	1.099.687.078	-	-	-
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	752.977.098	-	-	-
Các đối tượng khác	173.406.362	-	173.834.497	-
	<b>2.897.789.538</b>	<b>-</b>	<b>1.045.553.497</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	1.099.687.078	-	-	-
Công ty TNHH MTV thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel	752.977.098	-	-	-
	<b>1.852.664.176</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	58.777.312.014	-	60.147.675.591	-
Công cụ, dụng cụ	19.893.133	-	47.987.336	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	652.509.014	-	-	-
Thành phẩm	20.331.167.250	-	-	-
	<b>79.780.881.411</b>	<b>-</b>	<b>60.195.662.927</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định		-
- Sửa chữa nhà xưởng	463.650.700	-
	<b>463.650.700</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT****Báo cáo tài chính giữa niên độ**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	75.282.501.594	446.638.142.360	19.925.625.063	1.683.631.390	543.529.900.407
- Mua trong kỳ	-	-	-	36.500.000	36.500.000
Số dư cuối kỳ	<b>75.282.501.594</b>	<b>446.638.142.360</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.720.131.390</b>	<b>543.566.400.407</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	24.966.117.138	275.662.316.443	19.925.625.063	1.281.626.104	321.835.684.748
- Khấu hao trong kỳ	823.012.749	8.594.363.445	-	61.100.220	9.478.476.414
Số dư cuối kỳ	<b>25.789.129.887</b>	<b>284.256.679.888</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.342.726.324</b>	<b>331.314.161.162</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	50.316.384.456	170.975.825.917	-	402.005.286	221.694.215.659
Tại ngày cuối kỳ	<b>49.493.371.707</b>	<b>162.381.462.472</b>	-	<b>377.405.066</b>	<b>212.252.239.245</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 210.065.978.080 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.788.473.950 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	1.122.913.522	519.518.340
Chi phí tiền thuê đất	438.021.820	-
Chi phí bảo hiểm	218.884.422	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	301.302.720	-
	<b>2.081.122.484</b>	<b>519.518.340</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	13.596.636.216	12.553.558.861
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	15.070.654.971	13.334.780.744
	<b>28.667.291.187</b>	<b>25.888.339.605</b>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>51.395.551.072</b>	<b>51.395.551.072</b>	<b>54.789.483.975</b>	<b>54.789.483.975</b>
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	37.453.672.833	37.453.672.833	39.653.673.636	39.653.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.941.878.239	13.941.878.239	15.135.810.339	15.135.810.339
<b>Bên khác</b>	<b>40.778.047.829</b>	<b>40.778.047.829</b>	<b>6.417.221.820</b>	<b>6.417.221.820</b>
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Tôn Phước Khanh	31.608.606.150	31.608.606.150	-	-
- Công ty Cổ phần Tôn Pomina	6.645.737.900	6.645.737.900	-	-
Đối tượng khác	2.523.703.779	2.523.703.779	6.417.221.820	6.417.221.820
	<b>92.173.598.901</b>	<b>92.173.598.901</b>	<b>61.206.705.795</b>	<b>61.206.705.795</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	37.453.672.833	-	39.653.673.636	-
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.941.878.239	-	15.135.810.339	-
	<b>51.395.551.072</b>	<b>-</b>	<b>54.789.483.975</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.302.222.092	5.151.700	-	1.297.070.392	-	-	-	-	1.297.070.392	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	666.052.480	-	-	-	-	666.052.480	-	-	666.052.480	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	121.490.008	-	221.866.197	70.910.002	-	29.466.187	-	-	-	-	29.466.187	-
Các loại thuế khác	-	-	14.800.000	14.800.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	6.500.000	6.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>787.542.488</b>	<b>-</b>	<b>1.545.388.289</b>	<b>97.361.702</b>	<b>-</b>	<b>1.326.536.579</b>	<b>666.052.480</b>	<b>-</b>	<b>666.052.480</b>	<b>-</b>	<b>1.326.536.579</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	21.252.987.885
- Chi phí chưa đủ hóa đơn	1.344.541.025	276.543.900
	<b><u>1.344.541.025</u></b>	<b><u>21.529.531.785</u></b>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	19.305.988	12.781.481
- Bảo hiểm xã hội	440.941.645	-
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (*)	40.576.521.070	16.982.253.482
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	16.052.238.462	16.048.186.496
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (*)	26.968.039.413	24.752.565.206
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.100.559.539	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	120.229.699	118.212.112
	<b><u>118.216.582.858</u></b>	<b><u>91.200.328.260</u></b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Lãi vay chậm trả	83.596.798.945	57.783.005.184
- Lãi chậm trả công nợ	34.037.350.858	33.284.373.760
	<b><u>117.634.149.803</u></b>	<b><u>91.067.378.944</u></b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	37.745.954.919	35.530.480.712
- Công ty Cổ phần Kim khí Tp.Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	13.100.559.539	12.347.582.441
	<b><u>61.005.390.271</u></b>	<b><u>58.036.938.966</u></b>

(\*) Tại thời điểm 30/06/2023, toàn bộ lãi vay phải trả là các khoản lãi vay đã quá hạn thanh toán từ năm 2009 đến nay. Số dư nợ gốc và lãi suất căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ và xác nhận của ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**15 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	63.817.285.763	63.817.285.763	23.452.060	5.000.033.860	58.840.703.963	58.840.703.963
- Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt (VFC) <sup>(1)</sup>	63.817.285.763	63.817.285.763	23.452.060	5.000.033.860	58.840.703.963	58.840.703.963
	<b>63.817.285.763</b>	<b>63.817.285.763</b>	<b>23.452.060</b>	<b>5.000.033.860</b>	<b>58.840.703.963</b>	<b>58.840.703.963</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt (VFC) <sup>(1)</sup>	63.817.285.763	63.817.285.763	23.452.060	5.000.033.860	58.840.703.963	58.840.703.963
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(2)</sup>	68.830.489.966	68.830.489.966	-	2.000.000.000	66.830.489.966	66.830.489.966
	<b>132.647.775.729</b>	<b>132.647.775.729</b>	<b>23.452.060</b>	<b>7.000.033.860</b>	<b>125.671.193.929</b>	<b>125.671.193.929</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(63.817.285.763)	(63.817.285.763)	(23.452.060)	(5.000.033.860)	(58.840.703.963)	(58.840.703.963)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>68.830.489.966</b>	<b>68.830.489.966</b>			<b>66.830.489.966</b>	<b>66.830.489.966</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:
- (a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.898.234 USD, tương đương với 45.083.057.500 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
- (b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 13.757.646.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2023 là 66.830.489.966 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**c) Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	58.840.703.963	40.576.521.070	63.817.285.763	16.982.253.482
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	26.968.039.413	-	24.752.565.206
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	16.052.238.462	-	16.048.186.496
	<b>58.840.703.963</b>	<b>83.596.798.945</b>	<b>63.817.285.763</b>	<b>57.783.005.184</b>

**d) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (1)	66.830.489.966	26.968.039.413	68.830.489.966	24.752.565.206
	<b>66.830.489.966</b>	<b>26.968.039.413</b>	<b>68.830.489.966</b>	<b>24.752.565.206</b>

(1) Cổ đông lớn

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
			(Đã điều chỉnh)	
			VND	
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(164.990.372.962)	35.779.466.782
Lãi trong kỳ trước		-	7.042.178.943	7.042.178.943
Giảm khác		(5.400.000)	-	(5.400.000)
Số dư cuối kỳ trước	<b>200.000.000.000</b>	<b>764.439.744</b>	<b>(157.948.194.019)</b>	<b>42.816.245.725</b>
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	764.439.744	(173.857.150.805)	26.907.288.939
Lỗ trong kỳ này		-	(2.990.396.559)	(2.990.396.559)
Số dư cuối kỳ này	<b>200.000.000.000</b>	<b>764.439.744</b>	<b>(176.847.547.364)</b>	<b>23.916.892.380</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25	62.494.810.000	31,25	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00	10.000.000.000	5,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00	11.999.090.000	6,00	11.999.090.000
Cổ đông khác	43,75	87.506.100.000	43,75	87.506.100.000
	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	2023	2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.439.744	764.439.744
	<u>764.439.744</u>	<u>764.439.744</u>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty có hợp đồng thuê đất số 10/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 20/03/2008 và phụ lục hợp đồng số 86/PLHĐ/TLĐ/IZICO ngày 01/04/2013 ký với Công ty Đầu Tư và Khai Thác Hạ Tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ I để thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 01/01/2008 đến ngày 01/01/2048. Số tiền phải trả về tiền thuê đất và tiền duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 36.960 USD/năm.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	201,16	201,16

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	204.486.276.442	402.038.468.366
Doanh thu bán phế liệu	8.426.626.931	22.218.942.463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.204.783.094	62.392.579.665
	<b>248.117.686.467</b>	<b>486.649.990.494</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b>100.657.295.360</b>	<b>308.890.469.985</b>

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	363.389.669	45.855.552
	<b>363.389.669</b>	<b>45.855.552</b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	202.031.907.738	398.001.518.096
Giá vốn của phế liệu	7.781.779.576	21.455.778.878
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.406.050.519	46.842.814.172
	<b>240.219.737.833</b>	<b>466.300.111.146</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b>43.740.513.235</b>	<b>24.383.461.258</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	117.606.254	106.985.974
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.528.264	14.629.995
	<b>127.134.518</b>	<b>121.615.969</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.439.358.150	4.342.544.245
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.342.197
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	45.277.079	1.571.993.176
	<b>3.484.635.229</b>	<b>5.915.879.618</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.050.000	1.863.870
Chi phí nhân công	869.964.731	709.359.829
Chi phí khác bằng tiền	2.015.183	15.310.224
	<b>873.029.914</b>	<b>726.533.923</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.625.974	179.488.259
Chi phí nhân công	2.516.905.465	1.654.210.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.739.422	69.555.721
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.711.423	924.372.714
Chi phí khác bằng tiền	1.272.035.995	2.408.223.328
	<b>4.492.018.279</b>	<b>5.235.850.840</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý trực cán	774.408.000	-
Thu nhập từ xóa nợ	324.703.500	-
Thu nhập khác	4.203	53.159.522
	<b>1.099.115.703</b>	<b>53.159.522</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THÔNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	11.083.763	359.446.049
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	123.000.000	151.000.000
Chi phí trong giai đoạn dừng sản xuất	2.589.494.859	-
Chi phí khác	177.943.701	222.190.300
	<b>2.901.522.323</b>	<b>732.636.349</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.990.396.559)	7.867.898.557
Các khoản điều chỉnh tăng	2.589.494.859	389.297.582
- Chi phí không hợp lệ	2.589.494.859	389.297.582
Thu nhập chịu thuế TNDN	(400.901.700)	8.257.196.139
Tỷ lệ thuế TNDN được miễn giảm	-	50%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>825.719.614</b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải trả kỳ này	-	343.338.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(666.052.480)	3.465.460.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(4.271.587.177)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(666.052.480)</b>	<b>362.931.485</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.990.396.559)	7.042.178.943
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.990.396.559)	7.042.178.943
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(150)</b>	<b>352</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	220.822.583.709	399.945.590.354
Chi phí nhân công	8.276.428.461	8.317.556.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.478.476.414	17.018.658.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.666.286.511	39.252.759.508
Chi phí khác bằng tiền	1.324.687.195	10.144.570.857
	<b><u>266.568.462.290</u></b>	<b><u>474.679.135.554</u></b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.477.486.237	-	-	8.477.486.237
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.454.085.527	-	-	24.454.085.527
	<u>32.931.571.764</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.931.571.764</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.552.437.603	-	-	23.552.437.603
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.431.509.387	-	-	1.431.509.387
	<u>24.983.946.990</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.983.946.990</u>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	58.840.703.963	66.830.489.966	-	125.671.193.929
Phải trả người bán, phải trả khác	210.390.181.759	-	-	210.390.181.759
Chi phí phải trả	1.344.541.025	-	-	1.344.541.025
	<b>270.575.426.747</b>	<b>66.830.489.966</b>	<b>-</b>	<b>337.405.916.713</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	63.817.285.763	68.830.489.966	-	132.647.775.729
Phải trả người bán, phải trả khác	152.407.034.055	-	-	152.407.034.055
Chi phí phải trả	21.529.531.785	-	-	21.529.531.785
	<b>237.753.851.603</b>	<b>68.830.489.966</b>	<b>-</b>	<b>306.584.341.569</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>100.657.295.360</b>	<b>308.890.469.985</b>
Công ty Tôn Phương Nam	100.304.000.000	295.609.781.790
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	353.295.360	13.280.688.195
<b>Mua hàng</b>	<b>43.740.513.235</b>	<b>24.383.461.258</b>
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	43.740.513.235	24.383.461.258

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT	24.300.000	24.300.000
Ông Lê Việt	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Ông Tô Ngọc Huy	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 11/04/2023)	104.968.248	-
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/04/2023)	125.212.915	250.880.941
Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng BKS	90.414.238	13.173.323
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên BKS	10.800.000	10.800.000
Ông Nguyễn Trường Hải	Thư ký HĐQT	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Do việc điều chỉnh hồi tố các giao dịch diễn ra vào 6 tháng cuối năm 2022, vì vậy việc điều chỉnh hồi tố không ảnh hưởng đến Báo cáo Kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Theo đó, số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được điều chỉnh như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước/kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>					
Chi phí trả trước dài hạn	261	34.333.373.662	25.888.339.605	(8.445.034.057)	(1)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	60.522.098.795	61.206.705.795	684.607.000	(2)
Vốn chủ sở hữu	410	36.036.929.996	26.907.288.939	(9.129.641.057)	(1)(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(164.727.509.748)	(173.857.150.805)	(9.129.641.057)	(1)(2)

- (1) Ban Tổng giám đốc thực hiện điều chỉnh hồi tố việc đánh giá lại giá trị của một số công cụ dụng cụ là trực cán thép đã phân bổ hết giá trị với tổng số tiền là 8,4 tỷ VND.
- (2) Ban Tổng giám đốc điều chỉnh giảm phần lợi nhuận đã ghi nhận doanh thu năm 2022 đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu VND.

\_\_\_\_\_  
**Đỗ Thị Thu Phương**  
 Người lập

\_\_\_\_\_  
**Trần Thị Thùy Trang**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Tô Ngọc Huy**  
 Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 08 năm 2023